

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH  
**BỆNH VIỆN NHI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 180/TM-BVN

Thái Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2025

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất; Nhà cung cấp hoá chất, sinh phẩm, vật tư xét nghiệm tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá hoá chất, sinh phẩm, vật tư xét nghiệm để tham khảo làm căn cứ xây dựng giá gói thầu, cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hoá chất, sinh phẩm, vật tư xét nghiệm phục vụ khám bệnh, chữa bệnh năm 2025 - 2026, với nội dung cụ thể sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Thái Bình;
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Phòng Kế hoạch tổng hợp; Địa chỉ email: [p.khth.bvn@gmail.com](mailto:p.khth.bvn@gmail.com).
  - Địa chỉ: Số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, Tp Thái Bình
  - Số điện thoại: 02273.643.282
- Cách thức tiếp nhận báo giá.
  - Gửi báo giá trực tiếp tại bệnh viện, qua EMS và gmail theo địa chỉ cụ thể sau: Nhận trực tiếp tại: Tổ Hoá chất, vật tư y tế - Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Nhi Thái Bình; Số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình; Số điện thoại liên hệ: 02273.643.282. (Liên hệ hỗ trợ: Ds Hằng; Tel: 0936.555.012).
  - File mềm: gửi vào email: [p.khth.bvn@gmail.com](mailto:p.khth.bvn@gmail.com).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00, ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h00' ngày 07 tháng 4 năm 2025.

*(Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).*

- Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 07/4/2025.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hoá chất, sinh phẩm, vật tư xét nghiệm có thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến trong 24 tháng chi tiết tại các phụ lục đính kèm thư mời báo giá này.



- Phụ lục 01: Danh mục hoá chất, sinh phẩm, vật tư xét nghiệm mua sắm phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2025 - 2026.

2. Địa điểm cung cấp hàng hoá: Bệnh viện Nhi Thái Bình (số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).

3. Thời gian giao nhận hàng hoá: Giao hàng theo nhu cầu của Bệnh viện (Giao hàng theo từng đợt, trong vòng 5 – 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện, trừ trường hợp đặc biệt theo sự thoả thuận của hai bên).

4. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá theo *mẫu Phụ lục 02 đính kèm thư mời báo giá.*

5. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan đến việc lưu hành hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh (nếu có).

- Kèm theo kết quả trúng thầu của đơn vị trong vòng 12 tháng (nếu có) đối với các hàng hoá, dịch vụ tương tự mà đơn vị chào giá cho Bệnh viện,

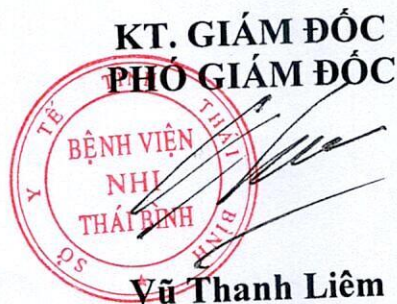
*Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn để ký báo giá.*

Bệnh viện Nhi Thái Bình kính mời các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp hoá chất, sinh phẩm, vật tư xét nghiệm tại Việt Nam có năng lực, kinh nghiệm và khả năng cung cấp tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng./.(A(Aul))

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Giám đốc BV (để báo cáo);
- Hệ thống ĐTQG;
- Website BVNTB;
- Lưu: VT.





Phục lục 02: Mẫu báo giá đối với hàng hoá, hoá chất, vật tư y tế tiêu hao

(Kèm theo Thư mời số: 180 /TM-BVN, ngày 27/3/2025 của Bệnh viện Nhi Thái Bình)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng .... năm 2025

Số:...

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Thái Bình

Trên cơ sở Thư mời báo giá số: /TM-BVN, ngày ...../2025 của Bệnh viện Nhi Thái Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá hàng hoá và dịch vụ liên quan.

STT yêu cầu báo giá	Tên hàng hoá mời chào giá	Tên thương mại	Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Phân loại TTBYT A/B/C/D (nếu có)	GPNK/Số ĐK lưu hành (nếu có)	Mã HS	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá đã bao gồm VAT (VND)	Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng (số QĐ)	Thành tiền (VND)
1															
...															
<b>Tổng cộng</b>															

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày tháng năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp máy khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng..... năm

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)





**PHỤ LỤC: DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM MUA SẮM  
PHỤC VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM 2025-2026 CỦA BỆNH VIỆN NHỊ THÁI BÌNH**

(Kèm theo thư mời báo giá số: 180 /TM-BVN ngày 27 tháng 3 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
1	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người trên các hệ thống cobas c. - Khoảng đo: 5-700 U/L	50	
2	Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng trên các hệ thống Roche/Hitachi	Hộp	- Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng trên các hệ thống cobas c. - Thành phần: natri hydroxide 1 mol/L	80	
3	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng alanine aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương người trên các hệ thống cobas c. - Khoảng đo: 5-700 U/L	50	
4	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin)	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút. - Khoảng đo: 0.02-100 ng/mL	100	
5	Thuốc thử xét nghiệm IgE	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng globulin miễn dịch E (IgE) trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút - Khoảng đo: 0.100-2500 IU/mL	100	
6	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên các hệ thống cobas c. - Khoảng đo: + Huyết thanh/huyết tương: 5-2700 μmol/L + Nước tiểu: 100-54000 μmol/L	50	
7	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Vitamin D	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25 -hydroxyvitamin D toàn phần trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô chứa 25-hydroxyvitamin D <sub>3</sub> với các khoảng nồng độ.	8	
8	Thuốc thử xét nghiệm Vitamin D	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng 25 -hydroxyvitamin D toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 27 phút - Khoảng đo: 3.00 - 120ng/mL	50	
9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 14 thông số sinh hóa dùng trên các hệ thống cobas c. - Là mẫu chuẩn dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người.	2	
10	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu, sử dụng cho các máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	- Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu, dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: Đệm phosphate; natri chloride; chất tẩy.	250	
11	Dung dịch rửa	Hộp	- Dung dịch rửa kim hút thuốc thử và công phản ứng trên hệ thống cobas c. - Thành phần: NaOH 1 mol/L	5	
12	Chất phụ gia	Hộp	- Chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt dùng trên các hệ thống cobas c. - Thành phần: chất tẩy	30	
13	Dung dịch rửa	Hộp	- Dung dịch rửa kim hút thuốc thử và công phản ứng trên hệ thống cobas c. - Thành phần: HCl 200 mmol/L	2	
14	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HBs	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm dùng để định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 2.00-1000 IU/L	10	
15	Bóng đèn HALOGEN	Hộp	Bóng đèn ha-lo-gen dùng cho máy sinh hóa Điện áp: 12V; công suất: 50W	30	
16	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa.	Hộp	- Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần: Đệm phosphate; tripropylamine; chất tẩy; chất bảo quản.	200	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
17	Dung dịch hệ thống rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch rửa hệ thống ống và cốc đo sau mỗi lần đo và điều chỉnh điện cực. Dung dịch dùng để rửa kim hút thuốc thử của máy phân tích sau khi hút.	200	
18	Thuốc thử xét nghiệm Estradiol	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng estradiol trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 18.4-11010 pmol/L	20	
19	Thuốc thử xét nghiệm FSH	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng nội tiết tố kích thích nang trứng trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.3-200 mIU/mL	20	
20	Thuốc thử xét nghiệm LH	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng nội tiết tố tạo hoàng thể trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.100-200 mIU/mL	20	
21	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HBsAg	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng kháng thể kháng HBsAg trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương.	4	
22	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15-3	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người giúp hỗ trợ theo dõi bệnh nhân ung thư vú dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 1.00-300 U/mL	10	
23	Hóa chất xét nghiệm định lượng	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người được dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.6-5000 U/mL	10	
24	Chất chuẩn xét nghiệm	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh ngựa đông khô và huyết thanh người chứa CA 125 người	3	
25	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19-9	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.600-1000 U/mL	10	
26	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 72-4	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.500-250 U/mL	12	
27	Chất chuẩn xét nghiệm CA 72-4	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: CA 72-4 (người) với các khoảng nồng độ trong huyết thanh người.	3	
28	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA	Hộp	- Thuốc thử dùng để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (tự do + phức hợp) trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.006-100 ng/mL	5	
29	Chất chuẩn xét nghiệm PSA	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần dùng trên các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô chứa PSA người với các khoảng nồng độ.	2	
30	Hóa chất xét nghiệm định lượng CYFRA	Hộp	- Thuốc thử dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.100-500 ng/mL	10	
31	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus	Hộp	- Thuốc thử dùng để định lượng kháng thể IgG kháng cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút - Khoảng đo: 0.25-500 U/mL	40	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
32	Kiểm soát xét nghiệm kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus (CMV) dùng trên các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người.	6	
33	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể IgM kháng Cytomegalovirus	Hộp	- Thuốc thử dùng để định tính kháng thể IgM kháng cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Bộ thuốc thử gồm các thành phần: + Vi hạt phủ Streptavidin + Kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin (chuột); + Kháng nguyên đặc hiệu CMV đánh dấu phức hợp ruthenium + Mẫu chuẩn âm tính + Mẫu chuẩn dương tính	40	
34	Kiểm soát xét nghiệm kháng thể IgM kháng Cytomegalovirus	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng cytomegalovirus (CMV) dùng trên các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người	6	
35	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FSH	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: một hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa FSH với các khoáng nồng độ.	4	
36	Bộ xét nghiệm kháng thể kháng EBV	Hộp	- Thuốc thử dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng vi rút Epstein-Barr (EBV), bao gồm kháng nguyên vỏ capsid (VCA), trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút.	10	
37	Bộ xét nghiệm kháng thể kháng EBV	Hộp	- Thuốc thử dùng để định tính kháng thể IgM kháng vi rút Epstein-Barr (EBV) trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút.	10	
38	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng EBV	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng EBV dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người.	4	
39	Cốc đựng mẫu	Hộp	Dùng để chứa mẫu thử, vật liệu chứng và mẫu chuẩn.	5	
40	Vật tư tiêu hao tip/ cup sử dụng cho máy miễn dịch	Hộp	- Cốc chứa hỗn hợp phản ứng/ đầu côn hút mẫu bệnh phẩm - Chất liệu: nhựa	20	
41	Dung dịch làm sạch để rửa các máy phân tích xét nghiệm miễn dịch trong quá trình hoạt động khi thay đổi thuốc thử	Hộp	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích miễn dịch trong quá trình vận hành khi thay đổi thuốc thử. Rửa kim thuốc thử sau khi kết thúc công việc chạy mẫu.	3	
42	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm miễn dịch	Hộp	- Chất để pha loãng mẫu trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm. - Thành phần: Hỗn hợp protein; chất bảo quản.	3	
43	Dung dịch làm sạch đơn vị ISE trên máy phân tích	Hộp	- Chất để làm sạch đơn vị ISE và vệ sinh máy phân tích miễn dịch cobas e. - Thành phần: Natri hydroxide; dung dịch natri hypochlorite	5	
44	Dung dịch rửa có tính acid	Hộp	- Dung dịch rửa có tính acid cho công phản ứng dùng trên máy phân tích cobas c. - Thành phần: Acid citric monohydrate; đệm; chất tẩy	10	
45	Thuốc thử xét nghiệm Mg (Magnesi)	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng magnesium trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống cobas c. - Khoảng đo: + Huyết thanh/huyết tương: 0.10-2.0 mmol/L + Nước tiểu: 0.56-11.0 mmol/L	10	
46	Thuốc thử xét nghiệm Protein	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên hệ thống cobas c. - Khoảng đo: 2.0-120 g/L	50	
47	Vật tư tiêu hao sử dụng để ủ và đo quang hỗn hợp phản ứng trên máy phân tích sinh hóa	Thùng	- Vật tư tiêu hao được sử dụng cho các máy phân tích sinh hóa để ủ và đo quang hỗn hợp phản ứng. - Chất liệu: nhựa	3	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
48	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng Rubella IgG	Hộp	- Thuốc thử dùng để định lượng kháng thể IgG kháng vi rút Rubella trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bất cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút - Khoảng đo: 0.17-500 IU/mL	7	
49	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng Rubella IgM	Hộp	- Thuốc thử dùng để định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút. - Thành phần gồm: + Vi hạt phủ Streptavidin + Kháng thể đơn dòng kháng IgM người đánh dấu biotin (chuột); + Kháng thể kháng Rubella đánh dấu phức hợp ruthenium + Mẫu chuẩn âm tính + Mẫu chuẩn dương tính	7	
50	Kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng Rubella IgM	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người.	3	
51	Thuốc thử xét nghiệm Acetaminophen	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng acetaminophen quá liều trong huyết thanh và huyết tương trên các hệ thống cobas c. - Thành phần: Kháng thể kháng acetaminophen (đa dòng từ cừu), G6P, NAD, albumin huyết thanh bò; Acetaminophen gắn với G6PDH vi khuẩn, đệm Tris, chất bảo quản.	30	
52	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Acetaminophen	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng acetaminophen dùng trên máy phân tích cobas c. - Thành phần phản ứng: Acetaminophen trong đệm phosphate.	2	
53	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 16 thông số sinh hóa dùng trên máy phân tích cobas c. - Thành phần: Các mẫu chứng dạng lỏng ở dạng dùng được ngay lấy từ huyết thanh người.	5	
54	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng albumin trong huyết thanh và huyết tương người trên các hệ thống cobas c. - Khoảng đo: 2-60 g/L - Thành phần: Đệm Citrate; xanh bromcresol; chất bảo quản, chất ổn định	50	
55	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Hộp	- Thuốc thử dùng để định lượng glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy người trên hệ thống cobas c. - Khoảng đo: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy: 0.11-41.6 mmol/L	150	
56	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng urea/urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống cobas c. - Thành phần: NaCl; Đệm TRIS; 2-oxoglutarate; NADH; ADP; urease (đậu); GLDH (gan bò); chất bảo quản; chất ổn định không phản ứng	200	
57	Thuốc thử xét nghiệm B2MG	Hộp	- Thuốc thử dùng để định lượng β2-microglobulin (B2MG) trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên các hệ thống cobas c. - Thành phần: Đệm TRIS/HCl; NaCl; EDTA; Hạt latex phủ kháng thể đa dòng kháng β2-microglobulin người (thỏ); chất bảo quản.	6	
58	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm B2MG	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng β2-microglobulin dùng cho máy phân tích cobas c. - Thành phần: các mẫu chứng đông khô lấy từ albumin huyết thanh bò.	3	
59	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Estradiol	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô chứa estradiol với các khoảng nồng độ.	4	
60	Thuốc thử xét nghiệm FT3	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.6-50 pmol/L	10	
61	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT3	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô chứa T3 với các khoảng nồng độ.	4	
62	Thuốc thử xét nghiệm FT4	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4 (thyroxine tự do) trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e - Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.5-100 pmol/L	10	
63	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: hỗn hợp đệm/protein sẵn sàng để sử dụng chứa L-thyroxine với các khoảng nồng độ.	4	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
64	Thuốc thử xét nghiệm TSH	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.005-100 μIU/mL	10	
65	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: một hỗn hợp huyết thanh ngựa và một hỗn hợp huyết thanh người với TSH người ở các khoảng nồng độ.	4	
66	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm LH	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng nội tiết tố tạo hoàng thể dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: hỗn hợp huyết thanh người đông khô chứa LH người với các khoảng nồng độ.	4	
67	Thuốc thử xét nghiệm Progesterone	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm dùng để định lượng progesterone trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.159-191 nmol/L	5	
68	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Progesterone	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng progesterone dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô chứa progesterone với các khoảng nồng độ.	3	
69	Thuốc thử xét nghiệm Testosterone	Hộp	- Thuốc thử dùng để định lượng testosterone trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút - Khoảng đo: 0.025-15.0 ng/mL	5	
70	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Testosterone	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng testosterone dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô chứa testosterone với các khoảng nồng độ.	3	
71	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm IgE	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng IgE dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh ngựa được bổ sung IgE người với các khoảng nồng độ.	10	
72	Kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng Rubella	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng vi rút Rubella dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người.	3	
73	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm C-peptide	Hộp	- Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6, PIGF, sFlt dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ hỗn hợp huyết thanh ngựa với các khoảng nồng độ	4	
74	Chất chuẩn xét nghiệm CA 15-3	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3 dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: CA 15-3 (người) với các khoảng nồng độ trong huyết thanh người.	3	
75	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.200-1000 ng/mL	20	
76	Chất chuẩn xét nghiệm CEA	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: hỗn hợp đệm/protein có thêm CEA với các khoảng nồng độ.	4	
77	Chất chuẩn xét nghiệm CA 19-9	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô chứa CA 19-9 người ở các khoảng nồng độ.	3	
78	Thuốc thử xét nghiệm PSA tự do	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA tự do trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.01-50 ng/mL	5	
79	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: hỗn hợp đệm/protein sẵn sàng để sử dụng có thêm PSA người với các khoảng nồng độ.	2	
80	Thuốc thử xét nghiệm HE4	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng HE4 trong huyết thanh và huyết tương người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 15.0-1500 pmol/L	5	
81	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HE4	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HE4 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh ngựa đông khô chứa protein HE4 với các khoảng nồng độ.	2	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
82	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HE4	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HE4 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với các khoảng nồng độ.	2	
83	Thuốc thử xét nghiệm NSE	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng enolase đặc hiệu thần kinh (NSE) trong huyết thanh người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.050-370 ng/mL	3	
84	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NSE	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: hỗn hợp đệm/protein đông khô chứa NSE với các khoảng nồng độ.	2	
85	Chất chuẩn xét nghiệm CYFRA	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1 dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô chứa cytokeratin với các khoảng nồng độ.	3	
86	Thuốc thử xét nghiệm ProGRP	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng ProGRP trong huyết tương và huyết thanh người dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 3-5000 pg/mL	3	
87	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm ProGRP	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ProGRP dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh ngựa đông khô chứa protein proGRP (tái tổ hợp từ E. coli) với các khoảng nồng độ.	2	
88	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm ProGRP	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng SCC, ProGRP, CYFRA 21-1 và NSE dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ huyết thanh người với các khoảng nồng độ.	5	
89	Thuốc thử xét nghiệm SCC	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư tế bào vảy trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 0.1-70 ng/mL	3	
90	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm SCC	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCC dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh người đông khô với SCC protein (tái tổ hợp từ E.coli) ở các khoảng nồng độ.	2	
91	Dung dịch làm sạch hệ thống	Hộp	Chất phụ gia cho bình chứa nước cất cho máy phân tích miễn dịch, làm tăng năng suất rửa giữa các bước hút và cần thiết cho các xét nghiệm	5	
92	Dung dịch rửa	Hộp	Dung dịch rửa cho kim hút mẫu trên hệ thống cobas c Thành phần: natri hydroxide 1mol/L.	8	
93	Dung dịch rửa	Hộp	Dung dịch rửa cho kim hút mẫu trên hệ thống cobas c. Thành phần: Đệm, chất tẩy	2	
94	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 30 thông số sinh hóa dùng trên hệ thống cobas c. - Thành phần: mẫu chuẩn đông khô lấy từ huyết thanh người.	3	
95	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 56 thông số sinh hóa dùng trên các hệ thống máy phân tích cobas c. - Là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. Nồng độ và hoạt tính điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở mức bình thường hay ở ngưỡng bình thường/bệnh lý.	3	
96	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 55 thông số sinh hóa dùng trên các hệ thống máy phân tích cobas c. - Là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. Nồng độ và hoạt tính điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở ngưỡng bệnh lý.	3	
97	Hóa chất bảo dưỡng hàng ngày cho điện cực ISE, ống và kim hút mẫu	Hộp	- Thuốc bảo dưỡng khuyến cáo trong hoạt động bảo dưỡng hàng ngày cho điện cực ISE, ống và kim hút mẫu dùng cho hệ thống cobas c. - Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô.	5	
98	Chất pha loãng mẫu	Hộp	Chất pha loãng mẫu kết hợp với các thuốc thử xét nghiệm trên các hệ thống cobas c cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm - Thành phần: NaCl 9%	3	
99	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm miễn dịch	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 24 thông số miễn dịch dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với các khoảng nồng độ.	2	
100	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm miễn dịch	Hộp	- Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng Vitamin B12, Ferritin, Folate, βCTx, Osteocalcin, PTH, PINP, Vitamin D, Calcitonin dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ huyết thanh người với các khoảng nồng độ	2	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
101	Chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch.	Hộp	Dung dịch pha loãng mẫu cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm. - Thành phần: Hỗn hợp protein; chất bảo quản	10	
102	Chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch.	Hộp	- Chất pha loãng mẫu cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm - Thành phần: Đệm huyết thanh ngựa; chất bảo quản.	3	
103	Chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch.	Hộp	Chất pha loãng mẫu cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm. - Độ ổn định trên máy phân tích 20-25 °C ≥12 tuần	3	
104	Hóa chất định lượng ACTH	Hộp	-Thuốc thử xét nghiệm dùng để định lượng nội tiết tố kích thích vỏ thượng thận (ACTH) trong huyết tương người chống đông bằng EDTA dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút - Khoảng đo: 1.5-2000 pg/mL	6	
105	Hóa chất chuẩn ACTH	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa ACTH với các khoảng nồng độ.	3	
106	Hóa chất định lượng proBNP	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm dùng để định lượng NT- proBNP trong huyết thanh và huyết tương người dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút. - Khoảng đo: 10-35000 pg/mL	4	
107	Hóa chất chuẩn proBNP	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NT- proBNP dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa NT-proBNP tổng hợp với các khoảng nồng độ.	2	
108	Hóa chất kiểm tra chất lượng	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CK-MB, Digitoxin, Digoxin, GDF-15, Myoglobin và NT-proBNP dùng trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với các khoảng nồng độ	2	
109	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm B2MG	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β2-microglobulin dùng trên máy phân tích cobas c - Thành phần: mẫu chuẩn đông khô lấy từ albumin huyết thanh bò.	3	
110	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm vitamin D	Hộp	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 25-hydroxyvitamin D toàn phần dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. - Thành phần: huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với các khoảng nồng độ	3	
111	Thuốc thử xét nghiệm Amikacin	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng amikacin trong huyết thanh và huyết tương trên các hệ thống cobas c. - Khoảng đo: 0.8-40 µg/mL	40	
112	Hiệu chuẩn xét nghiệm Amikacin	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amikacin dùng trên các hệ thống cobas c. - Thành phần : Huyết thanh người với phụ gia hóa học; chất bảo quản và chất ổn định	5	
113	Thuốc thử xét nghiệm Vancomycin	Hộp	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng vancomycin trong huyết thanh và huyết tương trên các hệ thống cobas c - Khoảng đo: 4.0-80.0 µg/mL	40	
114	Hiệu chuẩn xét nghiệm Vancomycin	Hộp	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 10 thông số sinh hóa dùng trên các hệ thống cobas c. - Thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học; chất bảo quản và chất ổn định.	6	
115	MEASURING CELL	Hộp	Bộ phận điện cực có chức năng phát hiện phản ứng giữa mẫu và thuốc thử thông qua công nghệ điện hóa phát quang sử dụng trên các hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch cobas e	4	
116	Que thử 11 thông số	Hộp	Thông số phân tích : Urobilinogen, Bilirubin, Ketone (acetoacetic acid), Máu, Protein, Nitrite, Leukocytes, Glucose, tỷ trọng, pH và Microalbumin. Đạt chứng chỉ: ISO 13485	500	
117	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu và soi cận nước tiểu	Lọ	Dùng để rửa các đường ống và dòng chảy tế bào. Thành phần chính: Sodium hypochlorite. Đạt chứng chỉ: ISO 13485	45	
118	IVD hỗ trợ dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu và soi cận nước tiểu	Hộp	Dùng để bọc mẫu tạo thành dòng chảy pha loãng để tiến hành đếm thành phần vật lý của nước tiểu Thành phần chính: PBS buffer, sodium chloride, EDTA, non-ionic surfactant.Đạt chứng chỉ: ISO 13485	18	
119	Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm định lượng 13 thông số nước tiểu	Lọ	Dùng để kiểm soát chất lượng của que thử nước tiểu và máy xét nghiệm nước tiểu. Đạt chứng chỉ: ISO 13485	40	
120	Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm định lượng 13 thông số nước tiểu	Lọ	Dùng để kiểm soát chất lượng của que thử nước tiểu và máy xét nghiệm nước tiểu.Đạt chứng chỉ: ISO 13485	40	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
121	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu và soi cặn nước tiểu	Lọ	Dùng để pha loãng mẫu Thành phần chính: Disodium hydrogen phosphate, sodium chloride, potassium dihydrogen phosphate. Đạt chứng chỉ: ISO 13485	10	
122	Dung dịch Focus	Lọ	Dùng để xác định vị trí mặt phẳng tiêu cự của hệ thống hình ảnh kính hiển vi. Thành phần chính: QC blood: 0.02%~0.1%, disodium hydrogen phosphate: 6.7mmol/L. Đạt chứng chỉ: ISO 13485	25	
123	Dung dịch QC dương	Lọ	Dùng cho kiểm soát chất lượng (QC) trong quá trình xét nghiệm. Thành phần chính: máu kiểm soát chất lượng: 0.02%~0.1%, disodium hydrogen phosphate: 6.7mmol/L. Đạt chứng chỉ: ISO 13485	20	
124	Dung dịch QC âm	Lọ	Dùng cho kiểm soát chất lượng (QC) trong quá trình xét nghiệm. Thành phần chính: disodium hydrogen phosphate: 6.7mmol/L. Đạt chứng chỉ: ISO 13485	20	
125	Dung dịch chuẩn	Lọ	Dùng để hiệu chuẩn máy xét nghiệm soi cặn nước tiểu để đảm bảo độ chính xác cho kết quả xét nghiệm. Nguyên lý: Nguyên lý hình ảnh tế bào dòng chảy phẳng Thành phần chính: Máu kiểm soát: 0.02%~0.1%, disodium hydrogen phosphate: 6.7mmol/L. Đạt chứng chỉ: ISO 13485	20	
126	Card xác định nhóm máu ABO/RH bằng phương pháp huyết thanh mẫu	Hộp	Cassette dùng cho xét nghiệm định tính để xác nhận các kháng nguyên A (ABO1), B (ABO2) và D (Rh1) trên bề mặt các tế bào hồng cầu người Thành phần: Cassette bao gồm 6 cột: - Cột 1 và 4: Thuốc thử nhóm máu Anti-A (Anti-ABO1): Hỗn hợp kháng thể đơn dòng từ chuột Anti-A (IgM) (dòng MHO4 và 3D3), FD & C Blue Số 1 - Cột 2 và 5: Thuốc thử nhóm máu Anti-B (Anti-ABO2): Hỗn hợp kháng thể đơn dòng từ chuột Anti-B (IgM) (dòng NB10.5A5 và NB1.19), FD & C Số 5 - Cột 3 và 6: Thuốc thử nhóm máu Anti-D (Anti-RH1): Kháng thể đơn dòng từ người Anti-D (IgM) (dòng D7B8)	5	
127	Card xét nghiệm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường	Hộp	Cassette để thực hiện xét nghiệm định tính để phát hiện kháng thể IgG dạng kết hợp với hồng cầu. Thành phần: Cassette bao gồm có 6 cột: - Cột 1 đến 6: Globulin kháng người, Anti-IgG (Thỏ) (Green)	18	
128	Dung dịch bảo dưỡng cho máy Ortho	Hộp	Dung dịch gồm huyết thanh bò, muối vô cơ, và các chất bảo quản sử dụng trong bảo dưỡng hàng ngày cho hệ thống định nhóm máu tự động Thành phần: 7% albumin huyết thanh bò, muối vô cơ và chất bảo quản	10	
129	Dung dịch tăng cường phản ứng	Hộp	Dung dịch có nồng độ ion thấp (LISS) được sử dụng để tối ưu nồng độ ion cho sự bắt giữ kháng thể. Thành phần: Dung dịch đệm phosphat có nồng độ ion thấp (Liss)	20	
130	Khay pha loãng hồng cầu 16 giếng	Hộp	Khay bao gồm các giếng pha loãng hồng cầu của bệnh nhân	5	
131	Sinh phẩm chẩn đoán invitro	Hộp	Cassette để thực hiện xét nghiệm xác định kháng thể nhóm máu ABO dự kiến và quy trình xét nghiệm phát hiện kháng thể ngưng kết trực tiếp. Thành phần: Cassette bao gồm có 6 cột: - Cột 1 đến 6: Chất tăng cường được tối ưu hóa để sử dụng trong xét nghiệm định nhóm máu ngược	5	
132	Ortho BioVue System Newborn Cassette	Hộp	Cassette để thực hiện xét nghiệm định tính để nhận diện kháng nguyên A, B và D (RH1) trên tế bào hồng cầu người và để phát hiện kháng thể IgG dạng kết hợp với tế bào ở trẻ sơ sinh. Thành phần: Cassette bao gồm có 6 cột: - Cột 1: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng (IgM) anti-A chuột (các dòng MH04 và 3D3). FD & C màu xanh da trời Số 1 - Cột 2: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng (IgM) anti-B chuột (các dòng NB10.5A5 và NB1.19). FD&C Màu vàng Số 5 - Cột 3: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng (IgM) anti-A,B chuột (các dòng MH04 và 3D3) (Anti-A) (các dòng NB10.5A5 và NB1.19) (Anti-B). - Cột 4: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng (IgM) anti-D người (dòng D7B8) - Cột 5: Dung dịch đệm được tối ưu hóa để sử dụng như tự chứng cho các xét nghiệm nhóm máu - Cột 6: Anti-IgG thỏ FD&C màu xanh da trời Số 1 và FD&C Màu vàng Số 5	2	
133	Kit phát hiện các kháng thể kháng Adenovirus IgG	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính dùng để phát hiện các kháng thể của người trong huyết thanh hoặc huyết tương chống lại các kiểu huyết thanh adenovirus. Phát hiện các kháng thể IgG được tổng hợp trong tế bào để chẩn đoán CSF. Thành phần bộ xét nghiệm bao gồm: 12 thanh xét nghiệm có thể bề rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên, (tổng cộng 96); Huyết thanh chuẩn; Huyết thanh chứng âm; Chất liên hợp; Dung dịch đệm rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng; Cơ chất Para-nitrophenylphosphate (pNPP) Tổng thời gian ủ 120 phút Đọc kết quả ở bước sóng 405nm/620-690nm Độ nhạy: 92.6 % Độ đặc hiệu: 91.3 % Nhiệt độ bảo quản 2 – 8°C, độ ổn định > 18 tháng	40	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
134	Khoanh giấy kháng sinh Clarithromycin	khoanh	Khoanh giấy Clarithromycin nồng độ 2µg Sản phẩm đáp ứng các quy định của Chi thị EC 98/79/EC liên quan đến Thiết bị Y tế Chẩn đoán trong ống nghiệm (IVDD) và được dán dấu hợp quy liên quan UKCA Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	5 000	
135	Test nhanh chẩn đoán Dengue Ig M/IgG	Test	Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, phát hiện định tính và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Thành phần: - Vùng cộng hợp: kháng thể Dengue liên hợp với hạt 0,102 µg, kháng thể kiểm chứng liên hợp với hạt 0,078 µg - Vạch kết quả(M): kháng thể kháng IgM người 0,116µg - Vạch kết quả(G): kháng thể kháng IgG người 0,077 µg - Vạch chứng: kháng thể kiểm chứng 0,77µg Lượng mẫu sử dụng: 10 µl đối với IgM Độ nhạy tương quan: 96.7% Độ đặc hiệu tương quan: 98.6% Độ chính xác tương quan: 97.9% đối với IgG Độ nhạy tương quan: 95.8% Độ đặc hiệu tương quan: 98.6% Độ chính xác tương quan: 97.6% Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE và ít nhất 2 chứng chỉ FSC được cấp bởi các nước tham chiếu theo Thông tư 14/2020/TT-BYT Đọc kết quả ở phút thứ 15 Phân loại BYT: C	6 000	
136	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1	test	Khay thử Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 của cả bốn loại huyết thanh (DEN-1, DEN-2, DEN-3 và DEN-4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Thành phần: - Vùng cộng hợp: cộng hợp kháng thể kháng kháng nguyên Dengue NS1 0,24µg gắn với hạt vàng, cộng hợp kháng thể kiểm chứng 0,16µg gắn với hạt vàng - Vạch kết quả: kháng thể kháng kháng nguyên Dengue NS1 0,528µg - Vạch chứng: kháng thể kiểm chứng 0,44µg Lượng mẫu sử dụng: 10 µl Ố nhận mẫu (S) và ô nhận dung dịch đệm (B) được thiết kế riêng để tăng hiệu quả xét nghiệm Độ nhạy tương quan: 99,1%. Độ đặc hiệu tương quan: 99,5% Độ chính xác tương quan: 99,4% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE và ít nhất 2 chứng chỉ FSC được cấp bởi các nước tham chiếu theo Thông tư 14/2020/TT-BYT Đọc kết quả ở phút thứ 15 Phân loại BYT: C	24 000	
137	Toluen	Lọ	Chất lỏng không màu, Khối lượng mol: 92,14 g/mol Khối lượng riêng: 0,8669 g/cm <sup>3</sup> Nhiệt độ nóng chảy: -95 °C Nhiệt độ sôi: 110,6 °C (1013 hPa) Nhiệt độ đánh lửa: 535 °C	960	
138	Thuốc thử nhóm máu (Anti D)	lọ	Kháng thể đơn dòng Anti D. Bảo quản 2 - 8°C; không để đông lạnh. Lọ ≥ 10ml	100	
139	Gel siêu âm	lít	Trong suốt, được dùng phổ biến trong chuẩn đoán siêu âm y khoa. Không có chất ăn mòn, không gây hồng đầu dò. Không chứa chất bảo quản và dầu. Không gây dị ứng cho da	452	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
140	Thuốc nhuộm Eosin	Lọ	Eosin chủ yếu được sử dụng để nhuộm tế bào chất để tăng độ tương phản với nhân tế bào, khi sử dụng thuốc nhuộm nhân như hematoxylin Nhuộm các thành phần của tế bào chất như hồng cầu, collagen, cơ và tế bào biểu mô,... thành các dải màu đỏ/hồng "Thành phần: + Ethanol < 65% + Acetic Acid < 10% + Isopropanol < 5% + Methanol < 5%" Trạng thái: chất lỏng Màu: đỏ Mùi: cồn Điểm nóng chảy/đóng băng: -54,1°C (-65,4°F) Điểm sôi: 78,3°C (173°F) Điểm chớp cháy: 17,8°C (71°F) pH: 4 - 5 Thời gian nhuộm kiến nghị: 30s- 90s, có thể nhuộm mẫu mô đông lạnh	8	
141	Dung dịch Formol	Lọ	Tỷ trọng (15°C): 1,088 - 1,108 g/cm <sup>3</sup> Metanol: 10% pH 3,00 - 4,50 Bảo quản ở: Nhiệt độ phòng (15-30°C) Ổn định bằng metanol Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE, Giấy phép lưu hành, hàng IVD	96	
142	Phenol	Chai	Tinh thể Phenol không màu, tinh khiết dùng pha hóa chất thí nghiệm. Mang găng tay khẩu trang phòng độc và đeo kính bảo hộ khi thao tác. Bảo quản mát tránh ánh sáng trực tiếp.	3	
143	Acid Acetic đậm đặc	chai	Dầu - CH <sub>3</sub> COOH. Axit axetic hệ thống có tên là axit ethanoic là một hợp chất hữu cơ với công thức hóa học CH <sub>3</sub> CO <sub>2</sub> H (cũng viết là CH <sub>3</sub> COOH). Nó là một chất lỏng không màu khi không pha loãng cũng được gọi là acid acetic băng.	3	
144	cồn tuyệt đối	chai	Hàm lượng phần trăm Ethanol phải chứa ít nhất 99,5%; Sản phẩm được sản xuất tại cơ sở áp dụng tiêu chuẩn ISO 13485	1 240	
145	parafin (Nền hạt tinh khiết Leica Paraplast)	Hộp	Điểm nóng chảy 56 - 58°C; Hàm lượng dầu ≤ 9%; Độ nhớt ở 100°C: 3,6-5,5 cSt Bảo quản ở: Nhiệt độ phòng (15-30°C) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE, Giấy phép lưu hành, hàng IVD	90	
146	Anti Human Globulin	Lọ	Các thuốc thử anti-human globulin (AHG) đa đặc hiệu được dùng thường xuyên để phát hiện và định danh kháng thể (alloantibody)	5	
147	Xylen	lít	Phạm vi phá hủy: 137 - 143°C Điểm chớp cháy: > 22°C Độ axit: <0,010 g KOH/Kg Nồng độ benzen: < 100 ppm Nồng độ dung môi không thơm: < 4%v Mật độ tương đối (15,5 CC): 0,862 - 0,875 kg/dm <sup>3</sup> Bảo quản tại: Nhiệt độ phòng (15-30°C) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE, Giấy phép lưu hành, hàng IVD	600	
148	Thẻ định nhóm máu ABO tại giường	Test	Đạt tiêu chuẩn ISO, Kit thử hệ nhóm ABO & rhD ( phương pháp pha rắn ) được sử dụng để phân biệt nhóm máu hệ ABO & RhD Mẫu phẩm: Máu toàn phần Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100% ; Phân loại TTBYT loại D Thành phần kit thử: Ô nhận mẫu A: kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên A (10µg) Ô nhận mẫu B: kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên B (10µg) Ô nhận mẫu D: Kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên D (10µg)	450	
149	Parafin	Lít	Dạng lỏng, không màu, trong suốt, không mùi	2	
150	Dung dịch đệm Formol trung tính 10%	Can	Thành phần: Formaldehyde Solution 4% p/v (Formalin khoảng 10%) Đệm pH 7,0. Ổn định bằng metanol Bảo quản ở nhiệt độ phòng (15 - 30°C) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE, Giấy phép lưu hành, hàng IVD	4	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
151	Khay thử phát hiện kháng nguyên Phế cầu khuẩn Streptococcus pneumoniae	Test	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện kháng nguyên Phế cầu khuẩn (<i>S. pneumoniae</i>) trong nước tiểu của các bệnh nhân bị viêm phổi và trong dịch tủy não (CSF) ở các bệnh nhân bị viêm màng não.</li> <li>- Hiệu suất xét nghiệm: + Mẫu nước tiểu: Độ nhạy 86%/ Độ đặc hiệu 94%/Độ chính xác 93% so với phương pháp nuôi cấy máu. + CSF: Độ nhạy 97% / Độ đặc hiệu 99%/Độ chính xác 99% so với phương pháp nuôi cấy. LOD của mẫu dịch tủy: <math>5 \times 10^4</math> tế bào/ml</li> <li>- Ngưỡng phát hiện +Mẫu Nước tiểu: độ pha loãng 1:250 của nước tiểu bệnh nhân +Mẫu CFS: <math>5 \times 10^4</math> tế bào/ml</li> <li>- Thời gian đọc kết quả: 15 phút.</li> <li>- Chứng nhận FDA</li> </ul>	3.080	
152	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B và Influenza A (H1N1)	Test	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện và phân biệt các kháng nguyên virus cúm A, cúm B, và cúm A (H1N1) từ mẫu tăm bông dịch mũi/họng/hầu họng hoặc mẫu dịch hút từ mũi/hầu họng.</li> <li>- Độ nhạy: cúm A (100%), cúm B (84,8%), H1N1 (100%), độ đặc hiệu: cúm A (100%), cúm B (100%), H1N1 (100%) so với RT-PCR.</li> <li>- Kèm que kiểm chuẩn cúm A, cúm B và âm tính ( trong hộp test )</li> <li>- Thời gian đọc kết quả: 10- 15 phút</li> <li>- Dạng que</li> <li>- Không có phản ứng chéo với 17 loài vi khuẩn, 15 loài virus và 27 loài virus cúm phụ khác như <i>E. Coli</i>, <i>E. faecalis</i>, <i>M. tuberculosis</i>, <i>S. pneumoniae</i>, Adenovirus type 3,6, 21, Parainfluenza type 2, type 3</li> </ul> <p>Antigen, RSV A2 Strain/Long Strain Tiêu chuẩn CE Phân loại TTYT loại C hoặc D</p>	10.000	
153	Khay thử định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B và RSV	Test	<p>Phát hiện định tính đồng thời cúm typ A, cúm typ B và vi-rút hợp bào đường hô hấp từ những mẫu tăm bông mũi, mẫu dịch hút hoặc dịch rửa ty hầu. Giới hạn phát hiện là 9,4 ng/mL với cúm typ A; 18,8 ng/mL với cúm typ B và 50 ng/mL với RSV. Không có phản ứng chéo nào với các tác nhân thường gây bệnh nhiễm trùng đường hô hấp khác. Vạch chứng có màu xanh và vạch thử nếu xuất hiện sẽ có màu đỏ. Cung cấp kèm chứng dương.</p> <p>Mỗi khay thử bao gồm thanh A, thanh B và thanh C gắn liền với nhau: Thanh A gồm: Vạch thử: kháng thể đơn dòng chuột kháng - Influenza A (&lt;2 mg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng thỏ kháng Streptavidin (&lt;1 mg); Cộng hợp các phân tử latex có màu liên kết với kháng thể đơn dòng kháng Influenza A (&lt;1%); Cộng hợp các phân tử latex có màu liên kết với Protein chứng đặc hiệu (Streptavidin) (&lt;1%); Thanh B gồm: Vạch thử: kháng thể đơn dòng chuột kháng - Influenza B (&lt;2 mg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng thỏ kháng Streptavidin (&lt;1 mg); Cộng hợp các phân tử latex có màu liên kết với kháng thể đơn dòng kháng Influenza B (&lt;1%); Cộng hợp các phân tử latex có màu liên kết với Protein chứng đặc hiệu (Streptavidin) (&lt;1%); Thanh C gồm: Vạch thử: kháng thể đơn dòng chuột kháng - RSV (&lt;2 mg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng thỏ kháng Streptavidin (&lt;1 mg); Cộng hợp các phân tử latex có màu liên kết với kháng thể đơn dòng kháng RSV (&lt;1%); Cộng hợp các phân tử latex có màu liên kết với Protein chứng đặc hiệu (Streptavidin) (&lt;1%).</p> <p>Tăm bông chứng dương cúm A: kháng nguyên cúm typ A (&lt;20<math>\mu</math>g); Tăm bông chứng dương cúm B: kháng nguyên cúm typ B (&lt;20<math>\mu</math>g); Tăm bông chứng dương RSV: kháng nguyên RSV (&lt;20<math>\mu</math>g).</p>	10.000	
154	Test thử phát hiện định tính các kháng nguyên đặc hiệu Legionella pneumophilla	Test	<p>Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để phát hiện định tính các kháng nguyên đặc hiệu Legionella pneumophilla nhóm huyết thanh 1, 3, 5, 6, 8 trong mẫu nước tiểu của bệnh nhân có triệu chứng viêm phổi.</p> <p>Độ nhạy: 97,5%, độ đặc hiệu 98.5% (so sánh với 1 pp miễn dịch huỳnh quang)</p> <p>Mẫu: nước tiểu.</p> <p>Thành phần: Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng kháng PPR. Vạch thử: Kháng thể thỏ kháng Legionella.</p> <p>Đệm liên hợp: Kháng thể đơn dòng kháng Legionella liên hợp Europium.</p> <p>Thời gian đọc kết quả 15 phút.</p> <p>Bảo quản: từ 2-30 độ C</p> <p>Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất.</p>	1.000	
155	Test thử phát hiện kháng thể kháng Mycoplasma pneumonia	Test	<p>Xét nghiệm ngưng kết hạt gelatin để phát hiện các kháng thể kháng Mycoplasma pneumonia trong huyết thanh người. Độ nhạy (tỷ lệ đồng thuận dương) 100%; độ đặc hiệu (tỷ lệ đồng thuận âm) 98.81%; Bảo quản ở 2-10°C; Tuổi thọ 12 tháng.</p>	3.000	
156	Test nhanh phát hiện ký sinh trùng Cryptosporidium	Test	<p>Test nhanh phát hiện định tính ký sinh trùng đơn bào Cryptosporidium trong mẫu phân. Không có phản ứng chéo với các vi sinh vật đường tiêu hóa thường có trong mẫu phân. Độ nhạy 100% (95%CI: 86,3-100%); độ đặc hiệu 100% (95%CI: 98,4-100%). Giới hạn phát hiện: Độ pha loãng 1/16 của mẫu kháng nguyên (<math>1.6 \times 10^7</math> oocytos/ml). Vạch chứng có màu xanh và vạch thử có màu đỏ nếu xuất hiện. Đọc kết quả sau 10 phút.</p>	700	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
157	Test nhanh chẩn đoán ký sinh trùng Entamoeba	Test	Test nhanh phát hiện định tính Entamoeba histolytica và Entamoeba dispar trong những mẫu phân. Không có phản ứng chéo với các tác nhân thường gây bệnh trong đường dạ dày ruột đôi khi thấy xuất hiện trong phân. Độ nhạy: 80% và độ đặc hiệu: 99% so với phương pháp qPCR trong việc phát hiện Entamoeba histolytica. Độ nhạy: 71% và độ đặc hiệu: 99% so với phương pháp qPCR trong việc phát hiện Entamoeba dispar. Giới hạn phát hiện: $1.0 \times 10^6$ tế bào/ml (250 ng/ml). Vạch chứng có màu xanh và vạch thử có màu đỏ nếu xuất hiện. Đọc kết quả trong thời gian 10 phút. Hạn dùng 24 tháng kể từ ngày sản xuất.	700	
158	Chất thử Oligo DNA tổng hợp (Primer), dạng muối MVN1139-F	Ống	- Mục đích: chẩn đoán virus Sởi bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR theo quy trình của WHO - Nồng độ tổng hợp: 200nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 50nmol - Trình tự: TGG CAT CTG AAC TCG GTA TCA C - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đóng gói: dạng đông khô	2	
159	Chất thử Oligo DNA tổng hợp (Primer), dạng muối MVN1213-R	Ống	- Mục đích: chẩn đoán virus Sởi bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR theo quy trình của WHO - Nồng độ tổng hợp: 200nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 50nmol - Trình tự: TGT CCT CAG TAG TAT GCA TTG CAA - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đóng gói: dạng đông khô	2	
160	Chất thử Oligo DNA tổng hợp đánh dấu huỳnh quang (Probe)	Ống	- Mục đích: chẩn đoán virus Sởi bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR theo quy trình của WHO - Nồng độ tổng hợp: 200nmoles/ống - Trình tự: FAM-CCG AGG ATG CAA GGC TTG TTT CAG A-BHQ1 - Tinh sạch HPLC, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: $\geq 10$ nmol, nồng độ trung bình sau tinh sạch: 40nmol - Sản phẩm Probe sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot), mỗi aliquot 5nmole hoặc 2 nmoles theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm	2	
161	Chất thử Oligo DNA tổng hợp (Primer), dạng muối HURNASE-P-F	Ống	- Mục đích: chẩn đoán virus Sởi bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR theo quy trình của WHO - Nồng độ tổng hợp: 200nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 50nmol - Trình tự: AGA TTT GGA CCT GCG AGC G - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đóng gói: dạng đông khô	2	
162	Chất thử Oligo DNA tổng hợp (Primer), dạng muối HURNASE-P-R	Ống	- Mục đích: chẩn đoán virus Sởi bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR theo quy trình của WHO - Nồng độ tổng hợp: 200nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 50nmol - Trình tự: GAG CGG CTG TCT CCA CAA GT - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đóng gói: dạng đông khô	2	
163	Chất thử Oligo DNA tổng hợp đánh dấu huỳnh quang(Probe)	Ống	- Mục đích: chẩn đoán virus Sởi bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR theo quy trình của WHO - Nồng độ tổng hợp: 200nmoles/ống - Trình tự: FAM- TTC TGA CCT GAA GGC TCT GCG CG BHQ1 - Tinh sạch HPLC, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: $\geq 10$ nmol, nồng độ trung bình sau tinh sạch: 40nmol - Sản phẩm Probe sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot), mỗi aliquot 5nmole hoặc 2 nmoles theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm	2	
164	Đoạn oligo tổng hợp	Ống	- Kích thước: $\geq 200$ bp - Lượng tổng hợp: $\geq 500$ ng	2	
165	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	Bộ	Bộ dụng cụ RT-PCR định lượng (qRT-PCR) một bước để phát hiện và định lượng RNA bằng các thiết bị phát hiện thời gian thực. Thành phần: SuperScript™ III RT/Platinum™ Taq Mix 2X Reaction Mix (a buffer containing 0.4 mM of each dNTP and 6 mM MgSO4) 50 mM Magnesium Sulfate (MgSO4) ROX™ Reference Dye (25 $\mu$ M)	12	



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng	Ghi chú
166	Môi trường nuôi cấy SS Agar	Hộp	Môi trường chọn lọc phân biệt dùng để phân lập Salmonella và các chủng Shigella từ bệnh phẩm lâm sàng và thực phẩm. Môi trường dạng bột mịn, màu hồng rơm. Thành phần (g/l): 'Lab-Lemco' powder 5, Peptone 5, lactose 10, Bile salts 8.5, Sodium citrate 10, Sodium thiosulphate 8.5, Ferric citrate 1, Brilliant green 0.00033, Neutral red 0.025, agar 15 pH 7.0 ± 0.2 tại 25°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	10	
167	Môi trường nuôi cấy BRAIN HEART INFUSION BROTH	Hộp	Môi trường dinh dưỡng cao dùng cho nuôi cấy streptococci, Neisseria và những vi khuẩn khó mọc khác. Môi trường dạng bột mịn, màu rơm. Thành phần (g/l): Brain infusion solids 12.5, Beef heart infusion solids 5.0, Proteose peptone 10.0, Glucose 2.0, Sodium chloride 5.0, Disodium phosphate 2.5 pH: 7.4 ± 0.2 tại 25°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	10	
168	Môi trường nuôi cấy STEC agar	Đĩa	Đĩa thạch đỏ sẵn chứa môi trường sinh màu dùng để phát hiện E. coli sinh độc tố Shiga-Toxin. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Peptones and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Selective mix, Agar, pH 6.9 ± 0.2 ở 25°C.	1400	
169	Xét nghiệm IgE đặc hiệu dị nguyên với 53 loại dị nguyên bao gồm dị nguyên thức ăn và hô hấp	Hộp	Hóa chất xét nghiệm IgE đặc hiệu dị nguyên hô hấp và thức ăn phát hiện 53 dị nguyên bao gồm: f1, f75, f3, f24, f40, f308, f4, f5, f6, f7, f9, f14, f292, f79, f13, f17, f20, f2, f76, f77, f78, f105, f218, f25, f32, f33, f44, f49, f72, f26, f27, f83, f155, f45, u85, d1, d2, d201, e1, e2, e85, m1, m2, m3, m5, m6, g2, w8, i1, i3, i70, i71, i100, và CCD. - Quy cách đóng gói 16 test	8	
170	Hóa chất xét nghiệm dị nguyên thức ăn đặc hiệu IgE	Hộp	- Kit xét nghiệm IgE đặc hiệu dị nguyên với 20 loại dị nguyên thức ăn: f1, f75, f2, f4, f9, f10, f14, f13, f17, f63, f64, f83, fs10, fs14, f23, f24, f80, f234, f105, f336 - Phát hiện chất phản ứng chéo với carbohydrate (CCD) trong mẫu bệnh nhân bằng thanh sắc ký miễn dịch - Quy cách đóng gói 16 test	8	
171	Hóa chất xét nghiệm dị nguyên hô hấp đặc hiệu IgE	Hộp	- Kit xét nghiệm IgE đặc hiệu dị nguyên với 20 loại dị nguyên hô hấp: ts19, t19, t223, u85, gs1, ds1, i6, u134, e1, e2, es172, e6, e71, e82, e84, ms1, ms4, m5, m12, m45 - Phát hiện chất phản ứng chéo với carbohydrate (CCD) trong mẫu bệnh nhân - Quy cách đóng gói 16 test	4	
172	Chất hấp thụ kháng CCD (dùng cho xét nghiệm dị nguyên)	Hộp	Chất hấp thụ kháng CCD (dùng cho xét nghiệm dị nguyên). Quy cách đóng gói 1 ống 40µg, 1 hộp 4 ống	2	